

Số: 17 /2018/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 03 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động khoáng sản của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 339/TTr-STNMT, ngày 22 tháng 6 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động khoáng sản của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này, cụ thể như sau:

1. Khu vực đá vôi làm nguyên liệu sản xuất xi măng hoặc khoáng sản là phụ gia điều chỉnh làm xi măng đã xác định là nguồn nguyên liệu cho các dự án nhà máy xi măng (*Mục I của Phụ lục*).

2. Khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 65 Luật Khoáng sản (*Mục II của Phụ lục*).

3. Khu vực hoạt động khoáng sản đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản (*Mục III của Phụ lục*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và các địa phương tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh cấp phép hoạt động khoáng sản không thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các khu vực khoáng sản nêu trên theo quy định.

Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi, bảo đảm cho việc triển khai thực hiện cấp phép hoạt động



khoáng sản đối với các khu vực đã được khoanh định không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 7 năm 2018 và thay thế Quyết định số 21/2016/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc quy định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 của Quyết định;
- Chính phủ;
- Website Chính phủ,
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản VN;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy; TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Kiên Giang;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Website Kiên Giang;
- LĐVP, P.KTCN, P.TH;
- Lưu: VT, Sở TN&MT (3b), dt nha. 73

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Vũ Hồng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

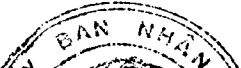
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC

CÁC KHU VỰC KHÔNG ĐÀU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN THUỘC THẨM QUYỀN
CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 17 /2018/QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

| STT | Tên khoáng sản | Vị trí khu vực mỏ | Diện tích (ha) | Tọa độ | Độ sâu (m) | |
|--------|--|---|--|---|--|-------------------------|
| Mục I | Khu vực đá vôi làm nguyên liệu sản xuất xi măng hoặc khoáng sản là phụ gia điều chỉnh làm xi măng đã xác định là nguồn nguyên liệu cho các dự án nhà máy xi măng | | | | | |
| | 1 | Đá vôi | Núi Cà Đa, xã Dương Hoà, huyện Kiên Lương | 7,00 | Tọa độ kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số 2381/GP-UBND ngày 25/10/2016 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Hữu Dương. | Từ cốt -20m trở lên. |
| | 2 | Đá vôi | Núi Nhà Vô, xã Dương Hoà, huyện Kiên Lương | 5,70 | Vị trí theo Bản đồ quy hoạch khoáng sản huyện Kiên Lương ban hành kèm theo Quyết định số 20/2017/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của UBND tỉnh. | Từ cốt +2m đến cốt -50m |
| 3 | Đá vôi | Núi Lò Vôi Nhỏ, xã Bình An, huyện Kiên Lương | 4,70 | | | |
| Mục II | Khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 65 Luật Khoáng sản | | | | | |
| 1 | Than bùn | Lung Hoà Diên, xã Hoà Diên, huyện Kiên Lương | 77,00 | Tọa độ kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số 2502/GP-UBND ngày 21/10/2013 của UBND tỉnh cấp cho Công ty Cổ phần Kiên Giang CPĐT. | Từ bề mặt địa hình đến độ sâu từ 2,64m đến 5,4m. | |
| 2 | Than bùn | Kênh 85B, xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất | 30,00 | Tọa độ kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1390/GP-UBND ngày 07/7/2015 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH MTV 622. | Từ bề mặt địa hình đến độ sâu trung bình từ 3,73m đến 4,72m. | |
| 3 | Than bùn | Kênh Ninh Phước 2, xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất | 35,06 | Tọa độ kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số 2078/GP-UBND ngày 03/10/2014 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp Kiên Giang. | Từ bề mặt địa hình đến độ sâu từ 1,92m đến 2,20m. | |
| 4 | Than bùn | Kênh Bao, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất | 22,90 | | Từ bề mặt địa hình đến độ sâu từ 1,84m đến 2,94m. | |



| | | | | | |
|----------------|--|--|-----------------------|---|---|
| 5 | Tham bùn | Kênh Bao, xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất | 95,00 | Tọa độ kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1214/GP-UBND ngày 17/6/2015 của UBND tỉnh cấp cho DNTN Hương Tràm. | Từ bề mặt địa hình đến độ sâu trung bình 2,70m. |
| STT | Tên khoáng sản | Vị trí khu vực mỏ | Diện tích (ha) | Tọa độ | Độ sâu (m) |
| Mục III | Khu vực hoạt động khoáng sản đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép khai thác khoáng sản | | | | |
| 1 | Đá xây dựng | Núi Hòn Sóc, xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất | 111,80 | Tọa độ kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản: Số 2227/GP-UBND ngày 11/9/2009 của UBND tỉnh cấp cho Công ty Cổ phần Sản xuất vật liệu xây dựng Kiên Giang; số 3207/GP-UBND ngày 22/12/2009 của UBND tỉnh cấp cho Công ty 622 Quân khu 9; số 2408/GP-UBND ngày 02/11/2010 của UBND tỉnh cấp cho DNTN Loan Phát; số 679/GP-UBND ngày 09/3/2010 của UBND tỉnh cấp cho DNTN Đại Nam; số 2175/GP-UBND ngày 28/9/2010 của UBND tỉnh cấp cho Công ty Cổ phần Khai thác đá Đại Tân; số 1666/GP-UBND ngày 11/7/2008 và số 302/GP-UBND ngày 11/02/2015 của UBND tỉnh cấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Khoáng sản Mê Kông; số 2590/GP-UB ngày 29/12/2005 và số 229/GP-UBND ngày 24/01/2013 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Nguyễn Bay; số 577/GP-UB ngày 26/4/2006 và số 228/GP-UBND ngày 24/01/2013 của UBND tỉnh cấp cho DNTN Quốc Thắng; số 1318/GP-UB ngày 03/6/2004, số 428/GP-UBND ngày 31/3/2006 và số 227/GP-UBND ngày 24/01/2013 của UBND tỉnh cấp cho DNTN Quang Tuyên; số 2824/GP-UBND ngày 23/12/2010 và số 1797/GP-UBND ngày 26/8/2014 của UBND tỉnh cấp cho DNTN Xí nghiệp xây dựng thủy lợi Thanh Liêm; số 2522/GP-UBND ngày 08/10/2009 của UBND tỉnh cấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Tân Kiên (sau đó UBND tỉnh thu hồi của Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Tân Kiên và cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 1896/GP-UBND ngày 07/9/2012 cho Công ty TNHH Đoàn Thịnh Kiên Giang; số 2697/GP-UBND ngày 30/10/2009 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Suối | Từ cốt +10m trở lên. |

| | | | | | |
|---|-------------|---|-------|--|--|
| | | | | Tiền. Toạ độ khu vực công nhận trữ lượng khoáng sản kèm theo Quyết định số 1357/QĐ-UBND ngày 26/6/2017 của UBND tỉnh. | |
| 2 | Đá xây dựng | Núi Sơn Trà, xã Bình An, huyện Kiên Lương | 32,80 | Toạ độ kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản: Số 1519/GP-UBND ngày 07/7/2010 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Khoáng sản và Dầu tự Thiên Nhiên; số 1720/GP-UBND ngày 10/8/2010 của UBND tỉnh cấp cho Chi nhánh Công ty Cổ phần Khai thác khoáng sản và xây dựng miền Nam; số 2204/GP-UBND ngày 24/10/2014 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát; số 2254/GP-UBND ngày 27/10/2017 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Hải Vân. | Từ cốt -20m trở lên. |
| 3 | Đá xây dựng | Núi Trà Duốc Lớn, xã Bình Trị, huyện Kiên Lương | 50,20 | - Toạ độ kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản: Số 1975/GP-UBND ngày 25/11/2006 của UBND tỉnh cấp cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh vật tư; số 11/GP-UBND ngày 08/01/2008 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH An Phát, số 1132/GP-UBND ngày 19/5/2010 của UBND tỉnh cấp cho Công ty Cổ phần Sản xuất vật liệu xây dựng Kiên Giang; số 2175/GP-UBND ngày 09/9/2008 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Quý Hải A.C.M. - Toạ độ kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số 2222/GP-UBND ngày 29/10/2014 của UBND tỉnh cấp cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh vật tư; phần diện tích 03ha UBND tỉnh đã chấp thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần Dầu tự Xây dựng và Dịch vụ Quý Hải (nay là Công ty TNHH Quý Hải A.C.M) thăm dò, khai thác do Công ty TNHH An Phát đã thăm dò theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số 1640/GP-UBND ngày 28/8/2007 của UBND tỉnh. | - Từ cốt -10m trở lên của Công ty TNHH An Phát, Công ty CP SXVLXD Kiên Giang; Công ty TNHH Quý Hải A.C.M; phần diện tích 03ha Công ty TNHH An Phát đã thăm dò và UBND tỉnh đã chấp thuận chủ trương cho Công ty CP Dầu tự Xây dựng và Dịch vụ Quý Hải (nay là Công ty TNHH Quý Hải A.C.M) thăm dò, khai thác. - Từ cốt -30m trở lên của Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh Vật tư (C&T). |
| 4 | Đá xây dựng | Núi Trà Duốc Nhỏ, xã Bình An, huyện Kiên Lương | 14,70 | Toạ độ kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 728/GP-UBND ngày 02/5/2007 và Giấy phép thăm dò khoáng sản số 1802/GP-UBND ngày 11/8/2016 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Trung Hiếu. | Từ cốt -30m trở lên. |

| | | | | | |
|----|---------------------|---|--------|---|--|
| 5 | Đá xây dựng cát kết | Km13, Tỉnh lộ 46, xã Dương Tơ, huyện Phú Quốc | 4,00 | Tọa độ kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản: Số 335/GP-UBND ngày 17/3/2006 và số 625/GP-UBND ngày 17/3/2016 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Kim Dung; số 334/GP-UBND ngày 17/3/2006 và số 2755/GP-UBND ngày 11/11/2015 của UBND tỉnh cấp cho DNTN Loan Phát. | Từ cốt bằng mặt đường Tỉnh lộ 46 (hiện nay là đường Dương Đông – An Thới) trở lên. |
| 6 | Đá vôi | Núi Túc Khôi, xã Dương Hòa, huyện Kiên Lương | 6,10 | Tọa độ kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản: Số 318/GP-UBND ngày 11/02/2009 và số 198/GP-UBND ngày 28/01/2015 của UBND tỉnh cấp cho Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên; số 1855/GP-UBND ngày 24/8/2010, số 2629/GP-UBND ngày 30/11/2010 và số 31/GP-UBND ngày 07/01/2016 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Đức Quân. | Từ cốt +2m trở lên. |
| 7 | Đá vôi | Núi Xà Ngách, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương | 4,80 | Tọa độ kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản: Số 729/GP-UBND ngày 02/5/2007 và số 1491/GP-UBND ngày 07/7/2014 của UBND tỉnh cấp cho Công ty Cổ phần Khai thác khoáng sản và Xây dựng Miền Nam. | Từ cốt -40m trở lên. |
| 8 | Đá vôi | Núi Bnum Po, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương | 4,60 | Tọa độ kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản: Số 915/GP-UB ngày 16/6/2006 và số 1298/GP-UBND ngày 16/6/2014 của UBND tỉnh cấp cho Công ty Cổ phần Khai thác khoáng sản và Xây dựng miền Nam. | Từ cốt -60m trở lên. |
| 9 | Đá vôi | Núi Blum Pô Nhỏ, thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương | 3,80 | Tọa độ kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1275/GP-UBND ngày 13/6/2011 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH An Phát. | Từ cốt -20m trở lên. |
| 10 | Sét gạch ngói | Ấp Rạch Vượt, xã Thuận Yên, thị xã Hà Tiên và ấp Rạch Dứa, xã Phú Mỹ, huyện Giang Thành | 185,00 | Tọa độ kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số 2865/GP-UBND ngày 10/12/2008 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng Toàn Thành Tâm và Giấy phép khai thác khoáng sản số 1810/GP-UBND ngày 20/8/2010 của UBND tỉnh cấp cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thuơng mại Dịch vụ Toàn Thành Tâm. | Từ cốt -20m trở lên. |
| 11 | Sét gạch ngói | Thị trấn Kiên Lương, huyện Kiên Lương | 55,00 | Tọa độ kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số 2887/GP-ĐCKS ngày 11/11/2002 của Bộ Công nghiệp. Tọa độ kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1351/GP-UBND ngày 22/6/2011 và số 1056/GP-UBND ngày 16/5/2014 của UBND tỉnh cấp cho Công ty Cổ phần | Từ cốt -14m trở lên. |

| | | | | | |
|----|--------------------------|---|--------|---|---|
| | | | | Gạch ngói Kiên Giang. | |
| 12 | Sét gạch ngói | Xã Vĩnh Hoà Hưng Nam, huyện Gò Quao | 27,07 | Tọa độ kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số 885/GP-UBND ngày 15/4/2011 của UBND tỉnh cấp cho Công ty Cổ phần Dầu tư Xây dựng Tâm Sen Kiên Giang. | Từ cốt -6m trở lên. |
| 13 | Vật liệu san lấp | Núi Nhơn, xã Thuận Yên, thị xã Hà Tiên | 22,00 | Tọa độ kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số 196/GP-UBND ngày 20/01/2010 của UBND tỉnh cấp cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Kiên Giang. | Từ cốt +2m trở lên. |
| 14 | Vật liệu san lấp | Núi Mây, xã Dương Hoà, huyện Kiên Lương | 16,99 | Tọa độ kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản: Số 1909/GP-UBND ngày 01/9/2010 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Trung Hiếu; số 1910/GP-UBND ngày 01/9/2010 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Duyên Hải. | Từ cốt -30m trở lên. |
| 15 | Vật liệu san lấp từ biển | Phường Tô Châu, thị xã Hà Tiên | 100,00 | Tọa độ kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1888/GP-UBND ngày 12/8/2008 và số 1762/GP-UBND ngày 20/8/2014 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Thương mại Xây dựng A.C.M. | Từ bề mặt địa hình đáy biển xuống 9,64m. |
| 16 | Vật liệu san lấp từ biển | Vịnh Ba Hòn, huyện Kiên Lương | 200,00 | Tọa độ kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản: Số 802/GP-UBND ngày 06/4/2011 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Thương mại Địa ốc Dịch vụ Tư vấn Dầu tư Kiên Gia Vy; số 2044/GP-UBND ngày 15/9/2010 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Xây dựng Dịch vụ Thương mại Hải Toàn. | - Từ bề mặt địa hình đáy biển xuống từ 19,7m đến 20,2m của Công ty TNHH Thương mại Địa ốc Dịch vụ Tư vấn Dầu tư Kiên Gia Vy. - Từ bề mặt địa hình đáy biển xuống -15m Công ty TNHH Xây dựng Dịch vụ Thương mại Hải Toàn. |
| 17 | Vật liệu san lấp từ biển | Phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá | 99,60 | Tọa độ kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số 1531/GP-UBND ngày 27/7/2015 của UBND tỉnh cấp cho Công ty Cổ phần Tư vấn Dầu tư và Xây dựng Kiên Giang. | |
| 18 | Vật liệu san lấp từ biển | Khu lán biển Tây Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá | 30,00 | Tọa độ kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 2193/GP-UBND ngày 29/9/2016 của UBND tỉnh cấp cho Công ty Cổ phần Dầu tư Phú Cường Kiên Giang. | Đến cốt -10m. |

| | | | | | |
|----|--------------------------|--|--------|---|--|
| 19 | Vật liệu san lấp từ biển | Khu lấn biển đảo Hải Âu, thành phố Rạch Giá | 100,00 | Tọa độ kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số 2697/GP-UBND ngày 11/12/2017 của UBND tỉnh cấp cho Công ty Cổ phần Dầu từ Phú Cường Kiên Giang. | |
| 20 | Vật liệu san lấp từ biển | Khu lấn biển Tây Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá | 48,00 | Vị trí theo bản đồ quy hoạch khoáng sản thành phố Rạch Giá ban hành kèm theo Quyết định số 20/2017/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 của UBND tỉnh. | |
| 21 | Than bùn | Ấp Trần Thê, xã Phú Mỹ, huyện Giang Thành | 100,00 | Tọa độ kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số 716/GP-UBND ngày 23/3/2011 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Đức Việt. | Từ bề mặt địa hình đến độ sâu trung bình 1,65m. |
| 22 | Than bùn | Lung Lớn, xã Kiên Bình, huyện Kiên Lương | 347,50 | Tọa độ kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản: Số 1126/GP-UBND ngày 12/5/2009 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Nguyễn Phan; số 298/GP-UBND ngày 28/01/2011 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Dầu từ và Phát triển Thiên Sơn; số 664/GP-UBND ngày 17/3/2011 của UBND tỉnh cấp cho Công ty Cổ phần Thanh Thủy. Phần diện tích 50ha UBND tỉnh chấp thuận chủ trương cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Hướng Dương thăm dò, khai thác. | - Từ bề mặt địa hình đến độ sâu từ 1,65m đến 1,93m của Công ty TNHH Nguyễn Phan. - Từ bề mặt địa hình đến độ sâu từ 1,79m đến 1,98m của Công ty TNHH Dầu từ và Phát triển Thiên Sơn. - Từ bề mặt địa hình đến độ sâu từ 1,19m đến 1,20m của Công ty CP Thanh Thủy. |
| 23 | Than bùn | Lâm trường Hòn Đất, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất | 120,00 | Tọa độ kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 1214/GP-UBND ngày 18/5/2009 của UBND tỉnh cấp cho Công ty Nông lâm nghiệp Kiên Giang. | Từ bề mặt địa hình đến độ sâu từ 1,86m đến 2,24m. |
| 24 | Than bùn | Bình Giang, xã Bình Giang, huyện Hòn Đất | 96,26 | Tọa độ kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 957/GP-UBND ngày 22/4/2010 của UBND tỉnh cấp cho Công ty Cổ phần Phân bón AAA. | Từ bề mặt địa hình đến độ sâu từ 1,82m đến 1,94m. |